TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 795/2018/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1121/2018/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Anh Phạm Hoàng L – sinh năm 1976;

Nơi ĐKHK và chỗ ở: P , tập thể Y, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội

Và **chị Nguyễn Kiều N** – sinh năm 1978;

Nơi ĐKHK và chỗ ở: P , tập thể Y, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Phạm Hoàng L và chị Nguyễn Kiều N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 02 năm 2006 tại Uỷ ban nhân dân phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không thể hòa giải được. Từ tháng 6 năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh L và chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể, nên anh L, chị N cùng đề nghị được Tòa án giải quyết ly hôn.

[2] Về con chung: Anh L và chị N xác định có ba con chung là cháu Phạm Kiều A, sinh ngày 29/5/2006, Phạm Hoàng Thế A, sinh ngày 06/4/2009 và Phạm Hoàng Gia A, sinh ngày 06/4/2009. Ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: anh L và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ: Anh L và chị N xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh L tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Hoàng L và chị Nguyễn Kiều N.

- Về con chung: Anh L và chị N có có ba con chung là cháu Phạm Kiều A, sinh ngày 29/5/2006, Phạm Hoàng Thế A, sinh ngày 06/4/2009 và Phạm Hoàng Gia A, sinh ngày 06/4/2009. Giao cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Kiều A, Thế A và Gia A và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh L cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác thay thế.

Anh L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh L và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ: Anh L, chị N xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh L tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008075 ngày 13 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Kiều My